

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số Cuối Kỳ	Số Đầu kỳ
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		27.407.711.652	26.082.991.651
I. Tiền và tương đương tiền	110		26.155.520.602	17.211.247.957
1. Tiền	111		26.155.520.602	17.211.247.957
2. Tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.252.191.050	8.871.743.694
1. Phải thu khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132		48.600.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		1.203.591.050	1.871.113.128
5. Các khoản phải thu khác	135			7.000.630.566
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			-
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		176.759.726	365.198.708
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		34.495.977	47.431.983
1. Tài sản cố định hữu hình	221		194.495.977	207.431.983
- Nguyên giá	222		329.285.650	329.285.650
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(134.789.673)	(121.853.667)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		(160.000.000)	(160.000.000)
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(160.000.000)	(160.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Pacific Birdge
Tầng 6, 389 Đê La Thành, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 024.3516.1111 Fax: 024.3684.1111

Mẫu số B01 - CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số Cuối Kỳ	Số Đầu kỳ
1	2	3	4	5
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		142.263.749	317.766.725
1. Chi phí trả trước	261		142.263.749	317.766.725
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		27.584.471.378	26.448.190.359
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		872.379.946	341.975.325
I. Nợ ngắn hạn	310		872.379.946	341.975.325
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		209.277.646	99.981.646
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		1.337.342	2.704.441
5. Phải trả người lao động	315			222.251.238
6. Chi phí phải trả	316			-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		561.111.111	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		100.653.847	17.038.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
12. Quỹ bình ổn	323			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.712.091.432	26.106.215.034
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge
Tầng 6, 389 Đê La Thành, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 024.3516.1111 Fax: 024.3684.1111

Mẫu số B01 - CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025


Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số Cuối Kỳ	Số Đầu kỳ
1	2	3	4	5
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(33.287.908.568)	(33.893.784.966)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		27.584.471.378	26.448.190.359

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Mã số	Quý này	Đầu năm
1	2	3	4	5
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		014	-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		015	-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		020	-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác		030	-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác trong nước		031	69.262.291	41.488.299
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài		032	-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư uỷ thác		040	98.995.280.400	123.400.000.000
9.1. Nhà đầu tư uỷ thác trong nước		041	98.995.280.400	123.400.000.000
9.2. Nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài		042	-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư uỷ thác		050	97.808.219	507.452.055
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư uỷ thác		051	1.028.418.484	213.835.745

Người lập



Lê Ngọc Sử

Kế toán trưởng



Đinh Thị Hương Nhung

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2025
Tổng Giám đốc

Cao Minh Thắng



Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge

Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024.3516.1111 Fax: 024.3684.1111

Mẫu số B02- CTQ

Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý báo cáo	Lũy kế đến cuối quý báo cáo	Quý này năm trước	Lũy kế đến cuối quý này năm trước
A	B	C	1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		711.603.538	2.277.216.990	809.415.148	2.343.450.597
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		711.603.538	2.277.216.990	809.415.148	2.343.450.597
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		711.603.538	2.277.216.990	809.415.148	2.343.450.597
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.467	244.038	24.943	373.604
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	25		559.204.809	1.671.584.630	638.615.291	1.794.466.392
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		152.405.196	605.876.398	170.824.800	549.357.809
10. Thu nhập khác	31					
11. Chi phí khác	32					(392.955)
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-		392.955
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	152.405.196	605.876.398	170.824.800	549.750.764
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-		-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		152.405.196	605.876.398	170.824.800	549.750.764
17. Lãi trên cổ phiếu	70		25,40	100,98	28,47	91,63

Người lập biểu

Lê Ngọc Sử

Kế toán trưởng

Đinh Thị Hương Nhung

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2025

Tổng Giám đốc



Cao Minh Thắng

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge
Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà
Nội.
Điện thoại: 024.3516.1111 Fax: 024.3684.1111

Mẫu số B03- CTQ
Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)
Quý 3 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam


CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Năm nay	Năm trước
A	B	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.506.094.217	661.304.174
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(206.496.000)	(48.600.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.137.887.103)	(892.853.421)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.028.697.562	13.581.857
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(246.380.069)	(363.229.622)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.944.028.607	(629.772.069)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	244.038	348.511
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	244.038	348.511
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn cho các CSH, mua lại CP của CTy đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay và gốc nợ thuê tài chính	34	-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	8.944.272.645	(629.423.558)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.211.247.957	24.356.679.318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	26.155.520.602	23.727.255.760

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Cao Minh Thắng



Đinh Thị Hương Nhung



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE
Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm		Số dư cuối kỳ	
	Ngày 01/01/2024		Ngày 01/01/2025		Ngày 30/09/2024	
	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(34.673.048.336)	(33.893.784.966)	549.750.764	605.876.398	(34.123.297.572)	(33.287.908.568)
Cộng	25.326.951.664	26.106.215.034	549.750.764	-	25.876.702.428	26.712.091.432

Lập, ngày 30 tháng 09 năm 2025

Người lập biểu

Lê Ngọc Sứ

Kế toán trưởng

Đinh Thị Hương Nhung



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 16 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 18 nhân viên).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 06 nhân viên (số đầu năm là 06 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Công ty quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

P: 64
CỘNG
HỢP PHÂN
QUỸ ĐẦU TƯ
PACIFIC
BRIDGE
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của người ủy thác đầu tư

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư được theo dõi riêng và trình bày ở tài khoản ngoại bảng Cân đối kế toán.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty và người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại, bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu các hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí thuê văn phòng, internet và chi phí bảo trì phần mềm, là các khoản tiền thuê trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý

3

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty và người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại, bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu các hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí thuê văn phòng, internet và chi phí bảo trì phần mềm, là các khoản tiền thuê trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm

3

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

13. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

14. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phải sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	26.149.395.663	180.771.807
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.124.939	17.030.476.150
Cộng	26.155.520.602	17.211.247.957

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư Tăng trưởng Pacific Bridge(là bên liên quan)	503.230.076	1.708.035.794
- Khách hàng ủy thác đầu tư:	700.360.974	163.077.334
Cộng	1.203.591.050	1.871.113.128

3. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải thu khác	48.600.000	7.000.630.566
Cộng	48.600.000	7.000.630.566

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình của Công ty gồm có thiết bị, dụng cụ quản lý đã khấu hao hết toàn bộ giá trị và máy chủ đang sử dụng.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có phần mềm máy tính và đã khấu hao hết toàn bộ giá trị.

6. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa văn phòng.

7. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đình Cao Toàn Cầu*	86,240,000	86,240,000
Công ty CP Đầu tư và TM Quang Minh	13,741,646	13,741,646
Tập đoàn Geleximco – Công ty CP	109.296.000	
Cộng	209.277.646	99,981,646

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	561.111.111	-
Cộng	561.111.111	-

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	1.337.342	2.704.441
Thuế môn bài	1.337.342	2.704.441
Cộng	1.337.342	2.704.441

9. Phải trả ngắn hạn, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	17,038,000	17,038,000
Bảo hiểm xã hội	66.410.047	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế	11.987.280	-
Bảo hiểm thất nghiệp	5.218.520	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	-
Cộng	100.653.847	17.038.000

10. Vốn chủ sở hữu**10a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	60,000,000,000	(34.673.048.336)	25.326.951.664
Lợi nhuận lũy kế trong kỳ trước		549.750.764	549.750.764
Số dư cuối kỳ trước	60,000,000,000	(34.123.297.572)	25.876.702.428
Số dư đầu năm nay	60,000,000,000	(33.893.784.966)	26.106.215.034
Lợi nhuận lũy kế trong kỳ này		605.876.398	605.876.398
Số dư cuối kỳ này	60,000,000,000	(33.287.908.568)	26.712.091.432

10b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,000,000	6,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6,000,000	6,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,000,000	6,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6,000,000	6,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,000,000	6,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

11. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Số đầu quý	57.998.089
Tăng trong quý	8.310.443.920
Giảm trong quý	8.299.179.718
Tổng	69.262.291

12. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

Cổ phiếu, trái phiếu của nhà đầu tư ủy thác trong nước

13. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

Là các khoản lãi của nhà đầu tư ủy thác

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

14. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

Là các khoản phí quản lý danh mục và phí lưu ký của nhà đầu tư ủy thác

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu phí quản lý ủy thác đầu tư

2. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng.

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	367.080.443	478.111.718	1.192.966.907	1.359.259.523
Chi phí khấu hao	4.312.002	4.312.002	17.248.008	12.936.006
Thuế phí và lệ phí	840.090	779.543	8.073.478	5.605.106
Chi dịch vụ mua ngoài	186.972.274	155.412.028	447.373.339	413.747.630
Chi phí khác bằng tiền			5.922.898	2.918.127
Cộng	559.204.809	638.615.291	1.671.584.630	1.794.466.392

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	605.876.398	549.750.764
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	605.876.398	549.750.764
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6,000,000	6,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(100.98)	(91.63)

Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Lê Ngọc Sử

Kế toán trưởng

Đinh Thị Hương Nhung



Cao Minh Thắng

FINANCIAL STATEMENT

**Of the Third Quarter of the Fiscal Year Ending December 31,
2025**

**PACIFIC BRIDGE CAPITAL
COMPANY**

P.
O.
3 P
QU
PAC
Y

FINANCIAL STATEMENT

**Of the Third Quarter of the Fiscal Year Ending
December 31, 2025**

PACIFIC BRIDGE GROWTH INVESTMENT FUND

P.
C
S PH
QU
PACI
T.

BALANCE SHEET
As of September 30, 2025

Unit: Vietnamese Dong (VND)

Indicator	Code	Note	Ending Balance	Beginning Balance
1	2	3	4	5
ASSETS				
A. CURRENT ASSETS (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		27.407.711.652	26.082.991.651
I. Cash and Cash Equivalents	110		26.155.520.602	17.211.247.957
1. Cash	111		26.155.520.602	17.211.247.957
2. Cash Equivalents	112			
II. Short-term Financial Investments	120		-	-
1. Other Short-term Investments	121		-	-
3. Allowance for Diminution in Value of Short-term Investments	129		-	-
III. Short-term Receivables	130		1.252.191.050	8.871.743.694
1. Accounts Receivable from Customers	131			
2. Advances to Suppliers	132		48.600.000	-
3. Short-term Internal Receivables	133			
4. Receivables from Operating Activities	134		1.203.591.050	1.871.113.128
5. Other Receivables	135			7.000.630.566
6. Allowance for Doubtful Short-term Receivables	137			
IV. Inventories	140			
V. Other Current Assets	150		-	-
1. Short-term Prepaid Expenses	151			
2. Input VAT Deductible	152			
3. Taxes and Other Receivables from the State	153		-	-
4. Government Bond Repurchase Transactions	157		-	-
5. Other Current Assets	158			-
B. NON-CURRENT ASSETS (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		176.759.726	365.198.708
I. Long-term Receivables	210		-	-
1. Long-term Receivables from Customers	211			
2. Investment Capital in Subsidiaries/ Affiliates	212			
3. Long-term Internal Receivables	213			
4. Other Long-term Receivables	218			
5. Allowance for Doubtful Long-term Receivables (*)	219			
II. Fixed Assets	220		34.495.977	47.431.983
1. Tangible Fixed Assets	221		194.495.977	207.431.983
- Cost	222		329.285.650	329.285.650
- Accumulated Depreciation (*)	223		(134.789.673)	(121.853.667)
2. Finance Lease Fixed Assets	224		-	-
- Cost	225		-	-
- Accumulated Depreciation	226		-	-
3. Intangible Fixed Assets	227		(160.000.000)	(160.000.000)
- Cost	228			
- Accumulated Amortization (*)	229		(160.000.000)	(160.000.000)
4. Construction in Progress	230		-	-
III. Long-term Financial Investments	250		-	-
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252		-	-

BALANCE SHEET
As of September 30, 2025

Unit: Vietnamese Dong (VND)

Indicator	Code	Note	Ending Balance	Beginning Balance
1	2	3	4	5
3. Other long-term investments	258		-	-
4. Provision for long-term investment devaluation (*)	259		-	-
	260		142.263.749	317.766.725
IV. Other Long-term Assets			142.263.749	317.766.725
1. Prepaid expenses	261			
2. Deferred income tax assets	262			
3. Other long-term assets	263		-	-
TOTAL ASSETS	270		27.584.471.378	26.448.190.359
LIABILITIES AND EQUITY				
A. Liabilities (300 = 310 + 330)	300		872.379.946	341.975.325
I. Short-term Liabilities	310		872.379.946	341.975.325
1. Short-term borrowings	311			
2. Accounts payable	312		209.277.646	99.981.646
3. Advances from customers	313		-	-
4. Taxes and amounts payable to the State	314		1.337.342	2.704.441
5. Payables to employees	315			222.251.238
6. Accrued expenses	316			-
7. Unearned short-term revenue	318		561.111.111	-
8. Other short-term payables	319		100.653.847	17.038.000
9. Short-term provisions	320			
10. Welfare and bonus funds	322		-	-
11. Government bond repurchase transactions	324			
12. Stabilization fund	323			
II. Long-term Liabilities	330		-	-
1. Long-term payables to suppliers	331			
2. Long-term internal payables	332			
3. Other long-term payables	333			
4. Long-term borrowings and debts	334			
5. Deferred income tax liabilities	335			
6. Provision for severance allowance	336			
7. Long-term provisions	337			
8. Unearned long-term revenue	338			
9. Science and technology development fund	339			
10. Investor compensation reserve fund	359		-	-
B. Owner's Equity	400		26.712.091.432	26.106.215.034
1. Owner's contributed capital	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Share premium	412			
3. Other owner's equity	413			
4. Treasury shares (*)	414			
5. Asset revaluation surplus	415			
6. Foreign currency translation differences	416			
7. Development investment fund	417			
8. Financial reserve fund	418			
9. Other equity funds	419			

Pacific Bridge Investment Fund Management Joint Stock Company
6th Floor, 389 Đê La Thành, Thành Công, Ba Đình, Hanoi
Fax: 024.3684.1111

Form No. B01 - CTQ (Issued according to
Circular No. 125/2011/TT-BTC dated
September 5, 2011, by the Ministry of Finance)

BALANCE SHEET

As of September 30, 2025

Unit: Vietnamese Dong (VND)

Indicator	Code	Note	Ending Balance	Beginning Balance
1	2	3	4	5
10. Retained earnings	420		(33.287.908.568)	(33.893.784.966)
TOTAL LIABILITIES AND EQUITY	440		27.584.471.378	26.448.190.359

OFF-BALANCE SHEET ITEMS

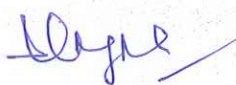
Indicator	Notes	Code	This Quarter	Beginning of Year
1	2	3	4	5
6.8. Margin securities used to secure loans		014	-	-
6.9. Securities for trade error corrections		015	-	-
7. Uncustodied securities of the fund management company		020	-	-
8. Deposits from entrusted investors		030	-	-
- Deposits from domestic entrusted investors		031	69.262.291	41.488.299
- Deposits from foreign entrusted investors		032		-
9. Investment portfolio of entrusted investors		040	98.995.280.400	123.400.000.000
9.1. Domestic entrusted investors		041	98.995.280.400	123.400.000.000
9.2. Foreign entrusted investors		042		-
10. Receivables from entrusted investors		050	97.808.219	507.452.055
11. Payables to entrusted investors		051	1.028.418.484	213.835.745

Prepared by



Lê Ngọc Sử

Chief Accountant



Đinh Thị Hương Nhung

Hanoi, September 30, 2025
General Director
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ QUAN QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ
PACIFIC BRIDGE
Cao Minh Thắng

STATEMENT OF PROFIT OR LOSS
Third Quarter 2025

Unit: Vietnamese Dong (VND)

Indicator	Code	Notes	Current Year		Previous Year	
			Reporting Quarter	Cumulative to End of Reporting Quarter	Same Quarter Last Year	Cumulative to End of Same Quarter Last Year
A	B	C	1	2	3	4
1. Revenue from goods sold and services provided	01		711.603.538	2.277.216.990	809.415.148	2.343.450.597
2. Revenue deductions	02		-	-	-	-
3. Net revenue from goods sold and services provided (10 = 01 - 02)	10		711.603.538	2.277.216.990	809.415.148	2.343.450.597
4. Operating expenses, cost of goods sold	11		-	-	-	-
5. Gross profit from goods sold and services provided (20 = 10 - 11)	20		711.603.538	2.277.216.990	809.415.148	2.343.450.597
6. Financial income	21		6.467	244.038	24.943	373.604
7. Financial expenses	22		-	-	-	-
8. General and administrative expenses	25		559.204.809	1.671.584.630	638.615.291	1.794.466.392
9. Net profit from business activities (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30		152.405.196	605.876.398	170.824.800	549.357.809
10. Other income	31					
11. Other expenses	32					(392.955)
12. Other profit (40 = 31 - 32)	40		-	-		392.955
13. Total accounting profit before tax (50 = 30 + 40)	50	IV.09	152.405.196	605.876.398	170.824.800	549.750.764
14. Current corporate income tax expense	51		-	-		-
15. Deferred corporate income tax expense	52		-	-	-	-
16. Profit after corporate income tax (60 = 50 - 51 - 52)	60		152.405.196	605.876.398	170.824.800	549.750.764
17. Earnings per share	70		25,40	100,98	28,47	91,63

Prepared by



Cao Minh Thang

Chief Accountant



Dinh Thi Huong Nhung

Hanoi, September 30, 2025

General Director



Pacific Bridge Investment Fund Management Joint Stock Company
6th Floor, 389 Đê La Thành, Thành Công, Ba Đình, Hanoi
Fax: 024.3684.1111

Form No. B02 - CTQ
Issued according to Circular No.
125/2011/TT-BTC dated September 5, 2011,
by the Ministry of Finance

CASH FLOW STATEMENT
(Direct Method)
Third Quarter 2025


Unit: Vietnamese Dong

INDICATOR	Code	Cumulative from the beginning of the year	
		This Year	Last Year
A	B	1	2
I. Cash Flows from Operating Activities			
1. Cash received from business operations, service provision, and other revenue	01	3.506.094.217	661.304.174
2. Cash paid for business operations and for goods and services provided	02	(206.496.000)	(48.600.000)
3. Cash paid to employees	03	(1.137.887.103)	(892.853.421)
4. Cash paid for interest	04		
5. Cash paid for corporate income tax	05		
6. Other cash receipts from operating activities	06	7.028.697.562	13.581.857
7. Other cash payments for operating activities	07	(246.380.069)	(363.229.622)
Net cash flows from operating activities	20	8.944.028.607	(629.772.069)
II. Cash Flows from Investing Activities			
1. Cash paid to acquire, construct fixed assets and other long-term assets	21	-	-
2. Cash received from disposal or sale of fixed assets and other long-term assets	22	-	-
3. Cash paid to purchase debt instruments of other entities	23	-	-
4. Cash received from disposal of debt instruments of other entities	24	-	-
5. Cash paid to invest in other entities	25	-	-
6. Cash received from recovery of investments in other entities	26	-	-
7. Cash received from dividends and profit sharing	27	244.038	348.511
Net cash flows from investing activities	30	244.038	348.511
III. Cash Flows from Financing Activities			
1. Cash received from issuing shares, bonds, or receiving capital contribution	31	-	-
2. Cash paid to owners, repurchase of company's issued shares	32	-	-
3. Cash received from borrowings	33	-	-
4. Cash paid for principal repayment of loans and financial lease obligations	34	-	-
5. Cash paid for principal repayment of loans and financial lease obligations	36	-	-
Net cash flows from financing activities	40	-	-
Net increase (decrease) in cash during the period (50 = 20+30+40)	50	8.944.272.645	(629.423.558)
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60	17.211.247.957	24.356.679.318
Effect of foreign exchange rate changes on cash and cash equivalents	61	-	-
Cash and cash equivalents at the end of the period (70 = 50+60+61)	70	26.155.520.602	23.727.255.760

Prepared by


Cao Minh Thang

Chief Accountant


Dinh Thi Huong Nhung

Hanoi, September 30, 2025

General Director



PACIFIC BRIDGE INVESTMENT FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: 6th Floor, 389 Đê La Thành, Thành Công, Ba Đình, Hanoi

FINANCIAL STATEMENT

Q1 for the fiscal year ending December 31, 2025

STATEMENT OF CHANGES IN EQUITY

Q3 for the fiscal year ending December 31, 2025

Unit: VND

INDICATOR	Beginning Balance		Increase/Decrease				Ending Balance	
	01/01/2024	01/01/2025	First 9 months of 2024		First 9 months of 2025		30/09/2024	30/09/2025
			Increase	Decrease	Increase	Decrease		
1. Owner's invested capital	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Share premium	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Other owner's equity	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Treasury shares	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Asset revaluation surplus	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Foreign exchange differences	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Development investment fund	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Financial reserve fund	-	-	-	-	-	-	-	-
9. Other equity funds	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Undistributed post-tax profit	(34.673.048.336)	(33.893.784.966)	549.750.764	-	605.876.398	(34.123.297.572)	(33.287.908.568)	(33.287.908.568)
Total	25.326.951.664	26.106.215.034	549.750.764	-	605.876.398	-	25.876.702.428	26.712.091.432

Prepared on September 30, 2025

Preparer

Chief Accountant

General Director



[Signature]

Đinh Thị Hương Nhung

C. Ngọc Sơn

Giao Minh Thắng

64
CÔNG
PHÂN
YẾU
CIFIC
T.P

EXPLANATORY NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the Third Quarter of the Fiscal Year Ended December 31, 2025

I. OPERATING CHARACTERISTICS

1. **Form of Capital Ownership**
Pacific Bridge Investment Fund Management Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") is a joint-stock company.
2. **Business Sector**
The Company operates in the service sector.
3. **Business Lines**
The main business activities of the Company include: securities investment fund management, securities investment company; portfolio management of securities and securities investment consultancy.
4. **Normal Production and Business Cycle**
The Company's normal production and business cycle does not exceed 12 months.
5. **Employees**
As of the end of the accounting period, the Company has 16 employees (compared to 18 employees at the beginning of the year).

The number of employees holding fund management professional certificates as of the end of the accounting period is 6 (the same as at the beginning of the year).

II. FINANCIAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. **Financial Year**
The Company's financial year starts on January 1 and ends on December 31 annually.
2. **Accounting Currency**
The currency used in accounting is the Vietnamese Dong (VND).

III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND REGIMES

1. **Applied Accounting Regime**
The Company applies Vietnamese Accounting Standards and the Accounting Regime applicable to Fund Management Companies issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC dated September 5, 2011, by the Ministry of Finance, along with related legal regulations on the preparation and presentation of financial statements.
2. **Declaration of Compliance with Accounting Standards and Regimes**
The Board of General Directors ensures compliance with Vietnamese Accounting Standards, the Accounting Regime for Fund Management Companies issued under Circular No. 125/2011/TT-BTC dated September 5, 2011, by the Ministry of Finance, and related legal regulations on the preparation and presentation of financial statements.

IV. APPLIED ACCOUNTING POLICIES

1. **Basis of Preparation of Financial Statements**
The financial statements are prepared on an accrual basis (except for cash flow information).
2. **Cash and Cash Equivalents**
Cash includes cash on hand and demand deposits at banks. Cash equivalents are short-term investments with maturities not exceeding 3 months from the investment date, easily convertible to a known amount of cash and with insignificant risk of value change at the reporting date.

PACIFICBRIDGE GROWTH INVESTMENT FUND

Address: 6th Floor, No. 389 Đê La Thành Street, Thành Công Ward, Ba Đình District, Hanoi City

FINANCIAL STATEMENTS

Quarter III for the fiscal year ended December 31, 2025

Notes to the Financial Statements (continued)

Deposits from Investment Trustees

Deposits from investment trustees are separately tracked and presented in off-balance sheet accounts.

3. Financial Investments

• **Trading Securities**

Investments classified as trading securities are held for the purpose of buying and selling to earn profits. Trading securities are recorded at cost. The cost of trading securities is determined based on the fair value of payments at the transaction date plus related purchase costs.

The recognition time for trading securities is when the Company acquires ownership rights, specifically:

- For listed securities: recognized at the order matching time (T+0).
- For unlisted securities: recognized at the official ownership transfer time according to law.

Interest, dividends, and profits prior to the purchase of trading securities reduce the value of those securities. Interest, dividends, and profits after purchase are recorded as revenue. Dividends received in shares are only recorded by the increase in share quantity, not by the value of shares received.

Allowance for impairment of trading securities is made for each type of security whose fair value is lower than the cost. The fair value is determined as follows:

- For listed securities: closing price at the nearest trading day at year-end.
- For shares registered on trading floors of unlisted public companies and state-owned enterprises undergoing equitization (UPCOM): the average reference price over the last 30 consecutive trading days before year-end as announced by the Stock Exchange.
- For securities with no transactions in the last 30 days, delisted, suspended, or halted securities: allowance is based on the loss of the invested company, calculated by the difference between actual invested capital and equity at year-end, multiplied by the ownership ratio.

Increases or decreases in allowance for impairment are recorded in financial expenses.

Profit or loss from the sale of trading securities is recognized in financial income or expense. Cost of goods sold is determined using the weighted average method.

• **Held-to-Maturity Investments**

Investments classified as held-to-maturity are those the Company intends and is able to hold until maturity, including term deposits, bonds, mandatory redeemable preferred shares, and held-to-maturity loans.

These investments are initially recorded at cost (purchase price plus related costs) and subsequently at recoverable value. Interest income is accrued and recognized based on the effective interest rate. Interest received before the holding period reduces the cost at purchase. If there is evidence of impairment, the loss is recorded in financial expenses and reduces the investment value.

• **Investments of Investment Trustees**

The Company receives funds from investment trustees and conducts securities transactions on their behalf according to the entrusted contract. Investments of trustees are recorded at cost. The Company does not assess or make provisions for impairment of trustees' investments, as the trustees bear all risks of losses unless caused by the Company's contract breaches. These investments are recorded off-balance sheet.

4. Receivables

Receivables are presented at net book value after deducting allowance for doubtful debts.

PACIFICBRIDGE GROWTH INVESTMENT FUND

Address: 6th Floor, No. 389 Đê La Thành Street, Thành Công Ward, Ba Đình District, Hanoi City

FINANCIAL STATEMENTS

Quarter III for the fiscal year ended December 31, 2025

Notes to the Financial Statements (continued)

Types include customer receivables, operational receivables, and others.

Allowance for doubtful debts is made for each doubtful debt after netting with payables (if any), based on overdue periods or estimated losses as follows:

- Overdue 6 months to less than 1 year: 30%
- Overdue 1 year to less than 2 years: 50%
- Overdue 2 years to less than 3 years: 70%
- Overdue 3 years or more: 100%

Allowance is also made for receivables not yet overdue but unlikely to be collected, based on estimated losses.

Changes in allowance at year-end are recorded in administrative expenses.

5. Prepaid Expenses

Prepaid expenses are costs incurred in advance but related to multiple accounting periods, such as office rent, internet, and software maintenance fees. Rent is allocated on a straight-line basis over the lease term.

6. Tangible Fixed Assets

Tangible fixed assets are recorded at cost less accumulated depreciation. Cost includes all expenses to acquire and prepare the asset for use. Subsequent expenses increase the asset's cost only if they increase future economic benefits; otherwise, they are recorded as expenses.

When disposed or liquidated, cost and accumulated depreciation are removed, and gain or loss is recorded in income or expenses.

Depreciation is on a straight-line basis over estimated useful lives as follows:

Asset Type	Useful Life (years)
Management equipment	3

7. Intangible Fixed Assets

Intangible fixed assets are recorded at cost less accumulated amortization. Cost includes all expenses to acquire and prepare the asset for use. Subsequent expenses are recognized as expenses unless they enhance the economic benefits of the intangible asset.

Upon disposal or liquidation, cost and accumulated amortization are removed, and gain or loss recorded in income or expenses.

The Company's intangible asset is computer software: costs directly attributable to software acquisition and preparation are capitalized. Software is amortized on a straight-line basis over 5 years.

8. Payables and Accrued Expenses

Payables and accrued expenses are recognized for amounts payable in the future for goods and services received.

Classification includes:

- Trade payables (to independent suppliers for goods, services, or assets).
- Accrued expenses (amounts for goods or services received but not invoiced or fully documented, accrued employee salaries, and other accrued business expenses).
- Other payables (non-trade-related payables).

PACIFICBRIDGE GROWTH INVESTMENT FUND

Address: 6th Floor, No. 389 Đê La Thành Street, Thành Công Ward, Ba Đình District, Hanoi City

FINANCIAL STATEMENTS

Quarter III for the fiscal year ended December 31, 2025

Notes to the Financial Statements (continued)

These are classified as short-term or long-term on the balance sheet based on remaining term at year-end.

9. Owner's Equity

Owner's contributed capital is recorded at the actual contributed amount by shareholders.

10. Revenue and Income Recognition

• **Service Revenue**

Recognized when:

- Revenue is reasonably certain. If contracts allow customers to return services, revenue is recognized only when return rights expire.
- The Company expects to receive economic benefits.
- The work performed is reliably measured at the reporting date.
- Costs incurred and to be incurred are reliably measured.

For multi-period services, revenue is recognized based on the percentage of work completed.

• **Interest Income**

Recognized based on time elapsed and effective interest rate.

• **Dividends and Profit Sharing**

Recognized when the Company has the right to receive dividends or profit sharing. Dividends received in shares increase share quantity only, not value.

11. Expenses

Expenses reduce economic benefits and are recognized when incurred or probable. Expenses and related revenue are recognized simultaneously according to the matching principle. When conflicts arise between matching and prudence, expenses are recognized based on accounting standards to reflect transactions fairly.

12. Related Parties

Related parties are those with control or significant influence over financial and operating policies. Parties under common control or significant common influence are also related.

Substance over form is emphasized in determining related party relationships.

13. Segment Reporting

Business segments are identifiable parts engaged in producing or providing products or services with different economic risks and benefits.

Geographical segments are parts operating in distinct economic environments with different risks and benefits.

Segment information is prepared and presented in accordance with the Company's accounting policies.

14. Financial Instruments

• **Financial Assets**

Classification depends on nature and purpose at initial recognition. Financial assets include cash and equivalents, receivables, listed and unlisted financial instruments, and derivatives. Initially recognized at cost plus transaction costs.

• **Financial Liabilities**

Classification depends on nature and purpose at initial recognition. Financial liabilities include trade payables and other payables. Initially recognized at cost less transaction costs.

PACIFICBRIDGE GROWTH INVESTMENT FUND

Address: 6th Floor, No. 389 Đê La Thành Street, Thành Công Ward, Ba Đình District, Hanoi City

FINANCIAL STATEMENTS

Quarter III for the fiscal year ended December 31, 2025

Notes to the Financial Statements (continued)

- **Equity Instruments**

Equity instruments represent residual interests in the Company's assets after deducting liabilities.

- **Offsetting Financial Instruments**

Financial assets and liabilities are offset and presented net on the balance sheet only when the Company has a legal right to offset and intends to settle net or simultaneously.

P: G
CÔ
PH
QUỶ
ACIF
T.P

PACIFICBRIDGE GROWTH INVESTMENT FUND

Address: 6th Floor, No. 389 Đê La Thành Street, Thành Công Ward, Ba Đình District, Hanoi City

FINANCIAL STATEMENTS

Quarter III for the fiscal year ended December 31, 2025

Notes to the Financial Statements (continued)

V. ADDITIONAL INFORMATION ON ITEMS PRESENTED IN THE BALANCE SHEET**1. Cash and Cash Equivalents**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash	26.149.395.663	180.771.807
Demand deposits	6.124.939	17.030.476.150
TOTAL	<u>26.155.520.602</u>	<u>17.211.247.957</u>

2. Accounts receivable from customers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Pacific Bridge Growth Investment Fund (related party)	503.230.076	1.708.035.794
Investment mandate clients:	700.360.974	163.077.334
TOTAL	<u>1.203.591.050</u>	<u>1.871.113.128</u>

3. Other receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Other receivables	48.600.000	7.000.630.566
TOTAL	<u>48.600.000</u>	<u>7.000.630.566</u>

4. Tangible Fixed Assets

The Company's tangible fixed assets include fully depreciated management equipment and tools, as well as servers currently in use.

5. Intangible Fixed Assets

The Company's intangible fixed assets consist only of computer software, which has been fully depreciated.

6. Long-term Prepaid Expenses

Costs related to tools, instruments, and office repairs.

7. Accounts Payable to Suppliers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Global Peak Co., Ltd.*	86,240,000	86,240,000
Quang Minh Investment and Trading Joint Stock Company	13,741,646	13,741,646
Gelemxico Group – Joint Stock Company	109.296.000	
TOTAL	<u>209.277.646</u>	<u>99,981,646</u>

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Short-term Unearned Revenue	561.111.111	-
TOTAL	<u>561.111.111</u>	<u>-</u>

8. Taxes and Amounts Payable to the State

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Personal Income Tax	1.337.342	2.704.441
Business License Tax		
TOTAL	<u>1.337.342</u>	<u>2.704.441</u>

PACIFICBRIDGE GROWTH INVESTMENT FUND

Address: 6th Floor, No. 389 Đê La Thành Street, Thành Công Ward, Ba Đình District, Hanoi City

FINANCIAL STATEMENTS

Quarter III for the fiscal year ended December 31, 2025

Notes to the Financial Statements (continued)

9. Other Current Payables and Accrued Expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Trade Union Fees	17,038,000	17,038,000
Social Insurance	66,410.047	-
Health Insurance	11,987.280	-
Unemployment Insurance	5,218.520	-
Other Short-term Payables	-	-
TOTAL	100.653.847	17,038,000

10. Owners' Equity**a) Reconciliation of Changes in Owners' Equity**

	<u>Owner's Contributed Capital</u>	<u>Undistributed Post- Tax Profit</u>	<u>TOTAL</u>
Opening balance of previous year	60,000,000,000	(34.673.048.336)	25.326.951.664
Accumulated profit during previous period		549.750.764	549.750.764
Closing balance of previous year	60,000,000,000	(34.123.297.572)	25.876.702.428
Opening balance of current year	60,000,000,000	(33.893.784.966)	26.106.215.034
Accumulated profit during current period		605.876.398	605.876.398
Closing balance of current period	60,000,000,000	(33.287.908.568)	26.712.091.432

b) Share Capital

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of shares registered for issuance	6,000,000	6,000,000
Number of shares issued to the public	6,000,000	6,000,000
- Common shares	6,000,000	6,000,000
- Preferred shares	-	-
Number of shares repurchased	-	-
- Common shares	-	-
- Preferred shares	-	-
Number of outstanding shares	6,000,000	6,000,000
- Common shares	6,000,000	6,000,000
- Preferred shares	-	-

Par value of outstanding shares: 10,000 VND.

11. Deposits from entrusted investors

Balance at the beginning of the quarter	57.998.089
Increase during the quarter	8.310.443.920
Decrease during the quarter	8.299.179.718
TOTAL	69.262.291

PACIFICBRIDGE GROWTH INVESTMENT FUND

Address: 6th Floor, No. 389 Đê La Thành Street, Thành Công Ward, Ba Đình District, Hanoi City

FINANCIAL STATEMENTS

Quarter III for the fiscal year ended December 31, 2025

Notes to the Financial Statements (continued)

12. Investment portfolio of entrusted investors

Stocks and bonds of domestic entrusted investors

13. Receivables of entrusted investors

These are interest income amounts of entrusted investors

14. Payables of entrusted investors

These include portfolio management fees and custody fees of entrusted investors

VI. SUPPLEMENTARY INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE INCOME STATEMENT**1. Revenue from sales and service provision**

- Revenue from entrusted investment management fees

2. Revenue from financial activities

- Interest income from bank deposits

3. Administrative expenses

	Q3		Year-to-date (YTD) through the end of this quarter	
	This year	Last year	This year	Last year
Employee expenses	367.080.443	478.111.718	1.192.966.907	1.359.259.523
Depreciation expenses	4.312.002	4.312.002	17.248.008	12.936.006
Taxes, fees, and charges	840.090	779.543	8.073.478	5.605.106
Expenses for outsourced services	186.972.274	155.412.028	447.373.339	413.747.630
Other cash expenses			5.922.898	2.918.127
TOTAL	559.204.809	638.615.291	1.671.584.630	1.794.466.392

4. Basic earnings per share

	Year-to-date (YTD) through the end of this period	
	This year	Last year
Accounting profit after corporate income tax	605.876.398	549.750.764
Adjustments	-	-
Profit used to calculate basic earnings per share	605.876.398	549.750.764
Weighted average number of common shares outstanding during the year	6,000,000	6,000,000
Basic earnings per share	(100.98)	(91.63)

Hanoi, prepared on October 17, 2025

Preparer



Lê Ngọc Sử

Chief Accountant



Đinh Thị Hương Nhung

General Director



Cao Minh Thang